



CƠ CHẾ VÀ TÁC DỤNG



1. Tác dụng của Cefdinir:

- Cefdinir được sử dụng để điều trị nhiều chứng bệnh nhiễm trùng do vi khuẩn khác nhau. Thuốc này được biết đến như là một loại thuốc kháng sinh cephalosporin.
- Cefdinir hoạt động bằng cách làm chặn đứng sự phát triển của vi khuẩn.
- Loại thuốc kháng sinh này chỉ điều trị các bệnh nhiễm trùng do vi khuẩn. Thuốc này sẽ không có hiệu quả đối với các bệnh nhiễm trùng do vi-rút (ví dụ như bệnh cảm, cúm thông thường).
- Việc sử dụng không cần thiết hoặc lạm dụng bất kỳ loại thuốc kháng sinh nào có thể làm giảm tính hiệu quả của thuốc.

2. Cách dùng:

- Dùng thuốc này thông qua đường uống, kèm hoặc không kèm với thức ăn, thường một lần một ngày, hoặc hai lần một ngày sau mỗi 12 giờ đồng hồ, hoặc theo như sự chỉ dẫn của bác sĩ.
- Liều lượng thuốc được dựa trên tình trạng bệnh lý và khả năng đáp ứng điều trị của bạn. Không được dùng thuốc nhiều hơn liều lượng tối đa được khuyến nghị là 600 miligam mỗi ngày.
- Thuốc kháng sinh hoạt động hiệu quả nhất khi nồng độ thuốc được duy trì ở mức ổn định. Vì vậy, hãy dùng thuốc này vào các khoảng thời gian cân bằng nhau.
- Tiếp tục dùng thuốc này cho đến hết liều lượng được chỉ định, cho dù các triệu chứng bệnh có biến mất chỉ sau vài ngày điều trị. Việc ngưng sử dụng thuốc quá sớm có thể làm cho vi khuẩn tiếp tục phát triển, điều này có thể dẫn đến sự tái phát của căn bệnh nhiễm trùng.
- Một số loại thuốc có thể kết hợp với cefdinir và làm ngăn chặn sự hấp thu đầy đủ của cefdinir. Nếu bạn đang dùng thuốc antacids có chứa magie hoặc nhôm, thuốc bổ sung chất sắt, hoặc các sản phẩm vitamin, khoáng chất, hãy dùng những loại sản phẩm này cách cefdinir ít nhất là 2 giờ đồng hồ
- Thông báo với bác sĩ nếu tình trạng bệnh lý của bạn vẫn tiếp diễn hoặc trở nặng hơn.

3. Liều dùng:

Liều dùng cefdinir cho người lớn:

- * Liều dùng thông thường dành cho người lớn đối với bệnh viêm phổi:
 - Bệnh viêm phổi mắc phải trong cộng đồng: Uống cefdinir 300mg sau mỗi 12 giờ trong vòng từ 10 đến 14 ngày.
- * Liều dùng thông thường dành cho người lớn đối với bệnh viêm phế quản:
 - Con đột phát cấp tính của bệnh viêm phế quản mãn tính do vi khuẩn gây nên: Uống cefdinir 300mg sau mỗi 12 giờ trong vòng từ 5 đến 10 ngày hoặc uống 600mg sau mỗi 24 giờ trong vòng 10 ngày.
- * Liều dùng thông thường dành cho người lớn đối với bệnh viêm xoang:
 - Viêm xoang hàm trên cấp tính: Uống cefdinir 300mg sau mỗi 12 giờ hoặc uống 600mg sau mỗi 24 giờ trong vòng 10 ngày.
- * Liều dùng thông thường dành cho người lớn đối với bệnh nhiễm trùng da hoặc mô mềm:
 - Không biến chứng: Uống cefdinir 300mg sau mỗi 12 giờ trong vòng 10 ngày.
- * Liều dùng thông thường dành cho người lớn đối với chứng viêm amidan/viêm hầu:
 - Uống cefdinir 300mg sau mỗi 12 giờ trong vòng từ 5 đến 10 ngày hoặc uống 600mg sau mỗi 24 giờ trong vòng 10 ngày.

Liều dùng cefdinir cho trẻ em:

- * Liều dùng thông thường dành cho trẻ em đối với bệnh viêm phổi:
 - Bệnh viêm phổi mắc phải trong cộng đồng:
 - 13 tuổi hoặc lớn hơn 13 tuổi: Uống cefdinir 300mg sau mỗi 12 giờ trong vòng từ 10 đến 14 ngày.
- * Liều dùng thông thường dành cho trẻ em đối với bệnh viêm phế quản:
 - Con đột phát cấp tính của bệnh viêm phế quản mãn tính do vi khuẩn gây nên:
 - 13 tuổi hoặc lớn hơn 13 tuổi: Uống cefdinir 300mg sau mỗi 12 giờ trong vòng từ 5 đến 10 ngày hoặc uống 600mg sau mỗi 24 giờ trong vòng 10 ngày
- * Liều dùng thông thường dành cho trẻ em đối với chứng viêm tai giữa:
 - Chứng viêm tai giữa cấp tính do vi khuẩn gây nên:
 - 6 tháng tuổi cho đến 12 tuổi: Uống 7 mg/kg sau mỗi 12 giờ trong vòng từ 5 đến 10 ngày hoặc uống 14 mg/kg sau mỗi 24 giờ trong vòng 10 ngày.
- Liều lượng tối đa: 600mg/ngày.
- * Liều dùng thông thường dành cho trẻ em đối với chứng viêm amidan/viêm hầu:
 - 6 tháng tuổi cho đến 12 tuổi: Uống 7 mg/kg sau mỗi 12 giờ trong vòng từ 5 đến 10 ngày hoặc uống 14 mg/kg sau mỗi 24 giờ trong vòng 10 ngày.
- Liều lượng tối đa: 600mg/ngày.

- 13 tuổi hoặc lớn hơn 13 tuổi: Uống cefdinir 300mg sau mỗi 12 giờ hoặc uống 600mg sau mỗi 24 giờ trong vòng 10 ngày.
- * Liều dùng thông thường dành cho trẻ em đối với bệnh viêm xoang:
 - Viêm xoang hàm trên cấp tính:
 - 6 tháng tuổi cho đến 12 tuổi: Uống 7 mg/kg sau mỗi 12 giờ hoặc uống 14 mg/kg sau mỗi 24 giờ trong vòng 10 ngày.
- Liều lượng tối đa: 600mg/ngày.
- 13 tuổi hoặc lớn hơn 13 tuổi: Uống cefdinir 300mg sau mỗi 12 giờ hoặc uống 600mg sau mỗi 24 giờ trong vòng 10 ngày.
- * Liều dùng thông thường dành cho trẻ em đối với bệnh nhiễm trùng da hoặc cấu trúc da:
 - Không biến chứng:
 - 6 tháng tuổi cho đến 12 tuổi: Uống 7 mg/kg sau mỗi 12 giờ trong vòng 10 ngày.
- Liều lượng tối đa: 600 mg/ngày.
- 13 tuổi hoặc lớn hơn 13 tuổi: Uống 300 mg sau mỗi 12 giờ trong vòng 10 ngày.

4. Tác dụng phụ:

- * Đi cấp cứu nếu bạn gặp bất kỳ dấu hiệu nào của phản ứng dị ứng: phát ban; khó thở; sưng phù ở mặt, môi, lưỡi, hoặc cổ họng.
- * Gọi bác sĩ ngay lập tức nếu bạn mắc phải bất kỳ các tác dụng phụ nghiêm trọng nào sau đây:
 - Tiêu chảy nước hoặc máu.
 - Đau ngực.
 - Sốt, ớn lạnh, đau nhức cơ thể, các triệu chứng cảm cúm.
 - Chảy máu bất thường.
 - Co giật.
 - Vàng da hoặc xanh xao, nước tiểu có màu sẫm, sỏi, lú lẫn hoặc yếu ớt.
 - Vàng da.
 - Sốt, đau họng, và đau đầu kèm theo chứng giộp da nặng, lột da, và phát ban đỏ ở da.
 - Khát nước nhiều hơn, biếng ăn, sưng phù, tăng cân, cảm giác thở hụt hơi, tiểu tiện ít hơn bình thường hoặc không tiểu tiện.
- * Các tác dụng phụ ít nghiêm trọng hơn bao gồm:
 - Buồn nôn, đau dạ dày, khó tiêu, nôn mửa, tiêu chảy nhẹ.
 - Đau đầu, chóng mặt.
 - Tình trạng phát ban đỏ do hăm tã ở trẻ sơ sinh trong khi đang dùng cefdinir.
 - Ngứa nhẹ hoặc phát ban da.
 - Ngứa hoặc tiết dịch ở âm đạo.
- * Không phải ai cũng biểu hiện các tác dụng phụ như trên. Có thể có các tác dụng phụ khác không được đề cập. Nếu bạn có bất kỳ thắc mắc nào về các tác dụng phụ, hãy tham khảo ý kiến bác sĩ hoặc dược sĩ.

5. Lưu ý phụ nữ đang mang thai hoặc cho con bú

Vẫn chưa có đầy đủ các nghiên cứu để xác định rủi ro khi dùng thuốc này trong thời kỳ mang thai hoặc cho con bú. Trước khi dùng thuốc, hãy luôn hỏi ý kiến bác sĩ để cân nhắc giữa lợi ích và nguy cơ. Thuốc này thuộc nhóm thuốc B đối với thai kỳ, theo Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ (FDA).
Ghi chú: Phân loại thuốc dùng cho phụ nữ có thai:
A= Không có nguy cơ;
B = Không có nguy cơ trong vài nghiên cứu;
C = Có thể có nguy cơ;
D = Có bằng chứng về nguy cơ;
X = Chống chỉ định;
N = Vẫn chưa biết.

6. Khẩn cấp/Quá liều

- *Nên làm gì trong trường hợp khẩn cấp hoặc dùng quá liều?
Trong trường hợp khẩn cấp hoặc quá liều, gọi ngay cho Trung tâm cấp cứu 115 hoặc đến trạm Y tế địa phương gần nhất.
- * Nên làm gì nếu quên một liều?
Nếu bạn quên dùng một liều thuốc, hãy dùng càng sớm càng tốt. Tuy nhiên, nếu gần với liều kế tiếp, hãy bỏ qua liều đã quên và dùng liều kế tiếp vào thời điểm như kế hoạch. Không dùng gấp đôi liều đã quy định.

FRANCEFDI 300